Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2704.00.20

Mã HS	2704.00.20
Mô tả hàng hóa	Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá, than non hoặc than bùn, đã hoặc chưa đóng bánh; muội bình chưng than đá / - Than cốc và than nửa cốc luyện từ than non hoặc than bùn
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 05:44:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/27040020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3260
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3260
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3260
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT?	Chịu thuế BVMT – xem biểu	579/2018/UBTVQH14	2018-09-26	BT2026!CV3260
Thuế xuất khẩu	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3260
Thuế XK ưu đãi CPTPP	13	13%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM3260
Thuế XK ưu đãi EVFTA	13	13%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP3260
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	13	13%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS3260

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3249
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3210
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3210
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3210
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3210
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3210
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3210
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3248
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3248

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3248
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3248
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3248
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3248
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3252
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3252
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3252
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3252
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3252
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3252
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3252
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3216
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3212
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3212
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3212
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3212
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3212
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3212
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3212
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3212
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3212
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3212
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3212
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3212
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3259
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3259

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3259
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3259
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3259
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3259
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3256
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3256
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3256
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3256
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3256
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3256
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3264
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3264
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3264
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3264
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3264
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3264
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3235
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3235
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3235
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3235
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3235
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3235
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3237
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3237
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3237
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3237

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3237
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3237
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3233
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3233
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3233
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3233
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3233
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3233
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3233
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3256
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3256
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3256
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3256
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3256
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3256
RCEP B	2022	2022	0	B!D3256
RCEP B	2023	2023	0	B!E3256
RCEP B	2024	2024	0	B!F3256
RCEP B	2025	2025	0	B!G3256
RCEP B	2026	2026	0	B!H3256
RCEP B	2027	2027	0	B!I3256
RCEP C	2022	2022	0	C!D3256
RCEP C	2023	2023	0	C!E3256
RCEP C	2024	2024	0	C!F3256
RCEP C	2025	2025	0	C!G3256
RCEP C	2026	2026	0	C!H3256

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3256
RCEP D	2022	2022	0	D!D3256
RCEP D	2023	2023	0	D!E3256
RCEP D	2024	2024	0	D!F3256
RCEP D	2025	2025	0	D!G3256
RCEP D	2026	2026	0	D!H3256
RCEP D	2027	2027	0	D!I3256
RCEP E	2022	2022	0	E!D3259
RCEP E	2023	2023	0	E!E3259
RCEP E	2024	2024	0	E!F3259
RCEP E	2025	2025	0	E!G3259
RCEP E	2026	2026	0	E!H3259
RCEP E	2027	2027	0	E!I3259
RCEP F	2022	2022	0	F!D3256
RCEP F	2023	2023	0	F!E3256
RCEP F	2024	2024	0	F!F3256
RCEP F	2025	2025	0	F!G3256
RCEP F	2026	2026	0	F!H3256
RCEP F	2027	2027	0	F!I3256
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F3003
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G3003
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H3003
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I3003

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2704.00 có 3 dòng thuế; dòng 2704.00.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Than cốc và than nửa cốc luyện từ than non hoặc than bùn.	2704.00.10 Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá; 2704.00.30 Muội bình chưng than đá	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT?” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2704.00.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2704.00.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3260), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.